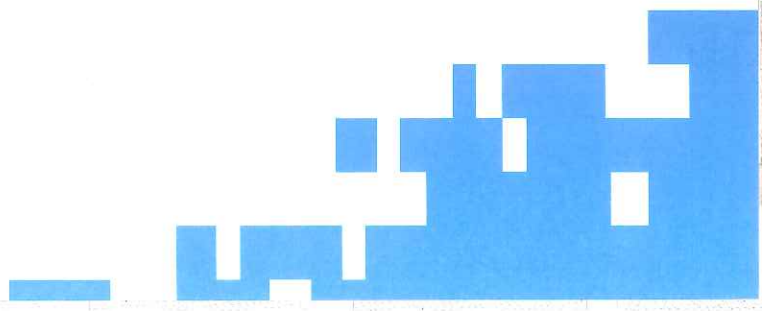


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



# **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 38



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch
Ông Vũ Chinh	Thành viên
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên
Ông Trần Công Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên
Ông Lý Việt An	Phụ trách quản trị

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên (Xin từ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2025)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025



Số: 248 /2025/KT-RSMHCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2023-026-1

Lê Việt Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
4732-2024-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán &amp; Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>351.253.217.335</b>	<b>304.901.401.803</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>152.283.296.513</b>	<b>86.673.459.849</b>
1. Tiền	111		44.914.402.013	22.745.459.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		107.368.894.500	63.928.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	4.2	<b>46.975.500.000</b>	<b>110.996.056.800</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	16.525.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(1.290.100.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		46.975.500.000	95.761.156.800
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>148.373.885.746</b>	<b>103.649.460.142</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	143.573.462.125	89.760.294.335
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	4.877.693.564	7.941.726.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	5.930.162.163	12.587.661.281
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(6.007.432.106)	(6.640.222.229)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.620.535.076</b>	<b>3.582.425.012</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.890.564.903	3.318.868.538
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	77.815.418
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.10	1.729.970.173	185.741.056
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>383.589.626.074</b>	<b>386.953.812.789</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.547.719.734</b>	<b>26.989.743.601</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	22.544.612.386	25.970.320.009
Nguyên giá	222		103.498.843.160	103.310.421.478
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.954.230.774)	(77.340.101.469)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	1.003.107.348	1.019.423.592
Nguyên giá	228		3.524.823.186	3.524.823.186
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.521.715.838)	(2.505.399.594)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>740.928.990</b>	<b>740.928.990</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		740.928.990	740.928.990
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	<b>359.210.290.000</b>	<b>359.141.947.673</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		24.000.000.000	24.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		310.765.050.000	310.765.050.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.445.240.000	23.445.240.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(68.342.327)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		1.000.000.000	1.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>90.687.350</b>	<b>81.192.525</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		90.687.350	81.192.525
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>734.842.843.409</b>	<b>691.855.214.592</b>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>344.759.100.792</b>	<b>335.628.711.031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>344.082.750.792</b>	<b>333.584.617.031</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	91.825.173.319	151.782.638.882
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.685.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	3.870.777.392	1.965.221.195
4. Phải trả người lao động	314	4.11	7.498.293.361	6.795.055.188
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	10.680.444.329	8.919.255.781
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	1.047.662.444	7.445.913.534
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	229.160.399.947	156.673.847.451
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>676.350.000</b>	<b>2.044.094.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.13	676.350.000	2.044.094.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>390.083.742.617</b>	<b>356.226.503.561</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15.1	<b>390.083.742.617</b>	<b>356.226.503.561</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		166.994.970.000	166.994.970.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		166.994.970.000	166.994.970.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		57.826.051.991	57.826.051.991
3. Cổ phiếu quỹ	415		(817.208.082)	(817.208.082)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.15.4	9.400.293.842	9.400.293.842
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.15.4	12.000.000.000	12.000.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.679.634.866	110.822.395.810
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		110.822.395.810	96.638.630.925
LNST chưa phân phối năm nay	421b		33.857.239.056	14.183.764.885
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>734.842.843.409</b>	<b>691.855.214.592</b>



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.010.739.776.738	541.374.193.473
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.010.739.776.738	541.374.193.473
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	968.164.035.454	513.897.459.583
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.575.741.284	27.476.733.890
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	32.970.415.591	23.260.862.929
6. Chi phí tài chính	22	5.4	15.489.412.565	14.527.264.043
Trong đó, chi phí lãi vay	23		12.080.004.359	11.044.873.337
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	21.270.433.974	21.852.697.957
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.786.310.336	14.357.634.819
9. Thu nhập khác	31		945.238.084	206.069.272
10. Chi phí khác	32		206.952.491	75.969.185
11. Lợi nhuận khác	40		738.285.593	130.100.087
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.524.595.929	14.487.734.906
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	5.667.356.873	303.970.021
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		33.857.239.056	14.183.764.885



Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng

Lục Thị Minh Trang  
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		39.524.595.929	14.487.734.906
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	3.648.155.925	4.057.368.748
Các khoản dự phòng	03		(875.611.720)	2.453.415.446
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(105.819.724)	(380.213.256)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.005.030.570)	(19.970.491.155)
Chi phí lãi vay	06	5.4	12.080.004.359	11.044.873.337
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>38.266.294.199</b>	<b>11.692.688.026</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(36.759.082.791)	38.864.793.344
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(66.511.520.801)	(9.753.347.119)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.418.808.810	(1.667.674.726)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		16.525.000.000	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.080.004.359)	(14.844.735.092)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.569.452.924)	(1.728.372.798)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(61.709.957.866)</b>	<b>22.563.351.635</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(243.045.682)	(741.866.621)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		224.889.242	141.279.460
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(738.531.457)	(12.118.641.800)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.293.988.257	43.302.005.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(34.890.240.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.133.254.447	8.283.298.477
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>54.670.554.807</b>	<b>3.975.834.516</b>

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**


Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	764.844.533.125	606.455.796.394
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(692.357.980.629)	(639.550.861.010)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>72.486.552.496</b>	<b>(33.094.564.616)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b> <b>(50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>65.447.149.437</b>	<b>(6.555.378.465)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		86.673.459.849	92.749.393.614
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		162.687.227	479.444.700
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> <b>(70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.1</b>	<b>152.283.296.513</b>	<b>86.673.459.849</b>

  
Trần Công Thành  
Tổng Giám đốc  
Đỗ Thị Thu Hiền  
Kế toán trưởng  
Lục Thị Minh Trang  
Người lập

Thành phố Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là chi nhánh Hà Nội của Công ty Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 30 tháng 12 năm 2002, Chi nhánh được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103002086 ngày 07 tháng 04 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 01 năm 2025 để thay đổi địa chỉ kinh doanh.

Ngày 07 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 38/2009/GCNCP-TTLK ngày 07 tháng 08 năm 2009 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 10 tháng 08 năm 2009, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 42/GCN-SGDHN ngày 10 tháng 08 năm 2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 166.994.970.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Vinafreight	Việt Nam	41.537.040.000	24,87	41.537.040.000	24,87
Công ty Cổ phần Transimex	Việt Nam	36.369.640.000	21,78	36.357.640.000	21,77
Công ty Cổ phần VNT Holdings	Việt Nam	27.780.000.000	16,64	27.780.000.000	16,64
Lionas Fund Co., Ltd	Nhật Bản	17.136.000.000	10,26	17.136.000.000	10,26
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	Việt Nam	12.623.100.000	7,56	12.623.100.000	7,56
Bà Lê Thùy Linh	Việt Nam	9.500.000.000	5,69	-	-
Ông Nguyễn Xuân Hùng	Việt Nam	-	-	8.497.360.000	5,09
Các đối tượng khác		22.049.190.000	13,20	23.063.830.000	13,81
<b>Cộng</b>		<b>166.994.970.000</b>	<b>100</b>	<b>166.994.970.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 222 (31/12/2023: 268).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Giao nhận, vận tải.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (mã ngành: 5229). Chi tiết:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
- Đại lý tàu biển;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu).

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giao nhận và tiếp vận. Năm 2024, với sự phục hồi của hoạt động giao thương quốc tế cùng với việc Công ty liên tục mở rộng thị trường, khai thác thêm các tuyến bay đến nhiều quốc gia mới, và duy trì giá cước vận chuyển đường biển ổn định đã thúc đẩy khối lượng vận chuyển tiếp tục gia tăng đáng kể, giúp doanh thu năm 2024 tăng đến 87% so với năm trước, cụ thể:

- Doanh thu vận chuyển hàng không tăng 114%;
- Doanh thu vận chuyển đường biển tăng 108%;

Trong khi đó, giá vốn năm 2024 tăng đến 88% so với năm trước, chủ yếu do giá nguyên vật liệu và nhiên liệu tăng cao, dẫn đến chi phí dịch vụ mua ngoài tăng theo.

*(Xem trang tiếp theo)*

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con, liên kết như sau:

Tên	Ngành nghề Hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
<b>Công ty con:</b>					
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Giao nhận, tiếp vận và bốc xếp hàng hóa	Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết:</b>					
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Kinh doanh, khai thác cảng, bốc xếp hàng hóa và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển	Bán đảo Đình Vũ - khu KT Đình Vũ Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	26,66%	26,66%	26,66%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Phòng	Giao nhận, vận tải	Số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Bắc Ninh	Giao nhận, vận tải	Tầng 6 tòa nhà VNPT, số 33 Lý Thái Tổ, phường Tiền Ninh Vệ, TP. Bắc Ninh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận, vận tải	Tầng 5 Khu C Tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

**3.4. Đầu tư tài chính**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được Công ty xác định dựa trên sự suy giảm giá trị cổ phiếu theo giá thị trường so với giá trị ghi sổ công ty liên kết. Việc thẩm định được thực hiện bởi tổ chức định giá chuyên nghiệp, áp dụng các phương pháp thẩm định giá gồm: Phương pháp tài sản, Phương pháp so sánh giá giao dịch trên sàn chứng khoán và Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**3.5. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ Khác	04 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội trong 20 năm; quyền sử dụng diện tích đất tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng trong 50 năm và quyền sử dụng lâu dài diện tích đất tại số 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

**3.11. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thu nhập đầu tư***

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

***Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư***

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**3.12. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**3.13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.15. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận chuyển quốc tế: 0%;
- Phí dịch vụ chứng từ và các dịch vụ khác: 8% và 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.16. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	481.553.168	1.078.393.080
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.432.848.845	21.667.066.769
Các khoản tương đương tiền (*)	107.368.894.500	63.928.000.000
<b>Cộng</b>	<b>152.283.296.513</b>	<b>86.673.459.849</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 03 tháng với lãi suất từ 0%/năm đến 3,6%/năm đã dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	-	6.900.000.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinafreight	-	9.625.000.000
<b>Cộng (*)</b>	<b>-</b>	<b>16.525.000.000</b>

(\*) Tại ngày 26/12/2024, Công ty thực hiện chuyển nhượng toàn bộ chứng khoán kinh doanh đang nắm giữ với số lượng và giá trị thay đổi như sau:

	Số lượng cổ phần	Giá trị ghi sổ VND	Giá bán VND	Lãi (**) VND
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	505.540	6.900.000.000	12.132.960.000	5.232.960.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinafreight	992.250	9.625.000.000	15.876.000.000	6.251.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.497.790</b>	<b>16.525.000.000</b>	<b>28.008.960.000</b>	<b>11.483.960.000</b>

(\*\*) Lãi bán chứng khoán được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm – Xem thêm Mục 5.3.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số đầu năm	1.290.000.000	397.075.000
Trích lập trong năm	-	893.025.000
Hoàn nhập trong năm	(1.290.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>1.290.000.000</b>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn	46.975.500.000	46.975.500.000	95.761.156.800	95.761.156.800
Dài hạn:				
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 0% đến 4,7%/năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam với lãi suất 8,4%/năm và kỳ hạn 07 năm, được dùng để đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

*(Xem trang tiếp theo)*

11/2018  
C  
AT  
SM  
/H  
II  
  
N:010  
C  
C  
GIAO  
NGO  
DONG



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành <sup>(a)</sup>	24.000.000.000	(*)	-	24.000.000.000	(*)	-
Đầu tư vào công ty liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Mipec <sup>(b)</sup>	310.765.050.000	(*)	-	310.765.050.000	(*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:						
Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam <sup>(c)</sup>	2.260.000.000	(*)	-	2.260.000.000	(*)	(68.342.327)
Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long <sup>(d)</sup>	21.185.240.000	(*)	-	21.185.240.000	(*)	-
Cộng	23.445.240.000		-	23.445.240.000		(68.342.327)
Tổng cộng	358.210.290.000		-	358.210.290.000		(68.342.327)

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(a) Khoản đầu tư này chiếm 100% vốn góp của Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 26,66% vốn góp của Công ty Cổ phần Cảng Mipec. Công ty Cổ phần Cảng Mipec hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường biển.

Theo chứng thư thẩm định giá số 087/2025/HN/P01/0039 ngày 26 tháng 02 năm 2025 từ Công ty cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu Điện (PTFV), giá trị 1 cổ phần của Công ty Cổ phần Cảng Mipec tại ngày 31/12/2024 được định giá là 11.045 VND/cổ phần và hiện đang cao hơn so với giá gốc bình quân của 1 cổ phần được mua mà Công ty đang ghi sổ là 10.419 VND/cổ phần.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 10% vốn góp của Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam. Công ty TNHH Mitsui Soko Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

(d) Khoản đầu tư này chiếm 9,18% vốn góp của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	<b>Năm 2024 VND</b>	<b>Năm 2023 VND</b>
Số đầu năm	68.342.327	20.986.029
Trích lập trong năm	-	47.356.298
Hoàn nhập trong năm	(68.342.327)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>68.342.327</b>

**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>Tại ngày 31/12/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>
Phải thu từ bên liên quan	-	776.950.442
Phải thu khách hàng:		
Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Lô-Gi-Stíc Hoàng Hà	13.336.294.138	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Luyện kim Thái Nguyên	11.367.227.927	1.049.623.479
Công ty TNHH SJ Logistics Việt Nam	10.458.498.317	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Speedmark	8.166.175.464	744.161.796
Công ty Cổ phần Hợp kim Sắt Tân An	7.219.560.159	1.479.870.856
Các khách hàng khác (*)	93.025.706.120	85.709.687.762
<b>Cộng</b>	<b>143.573.462.125</b>	<b>89.760.294.335</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải thu ngắn hạn các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>Tại ngày 31/12/2024 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	1.826.719.967	4.540.178.618
Trả trước cho người bán:		
Regional Container Lines Public Company Limited	1.055.138.649	3.124.871.844
Các nhà cung cấp khác (*)	1.995.834.948	276.676.293
<b>Cộng</b>	<b>4.877.693.564</b>	<b>7.941.726.755</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trả trước cho người bán ngắn hạn khác có số dư mỗi nhà cung cấp dưới 10% tổng số trả trước cho người bán ngắn hạn.

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Tại ngày 31/12/2024 VND</b>		<b>Tại ngày 01/01/2024 VND</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Ký quỹ	2.209.745.000	-	2.039.295.000	-
Tạm ứng cho nhân viên	1.879.947.328	-	6.831.131.657	-
Phải thu khác	1.840.469.835	-	3.717.234.624	-
<b>Cộng</b>	<b>5.930.162.163</b>	<b>-</b>	<b>12.587.661.281</b>	<b>-</b>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024				Tại ngày 01/01/2024			
	VND		VND		VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Nhật Phương	5.300.180.797	-	Trên 3 năm		5.300.180.797	-	Trên 3 năm	
Các khách hàng khác	1.963.722.952	1.256.471.643	Từ 6 tháng đến trên 3 năm		1.692.133.033	352.091.601	Từ 6 tháng đến trên 3 năm	
<b>Cộng</b>	<b>7.263.903.749</b>	<b>1.256.471.643</b>			<b>6.992.313.830</b>	<b>352.091.601</b>		

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Số đầu năm	6.640.222.229	5.127.188.081
Trích lập trong năm	1.104.920.244	1.513.034.148
Hoàn nhập trong năm	(622.089.637)	-
Xóa nợ - Xem thêm Mục 4.16	(1.115.620.730)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.007.432.106</b>	<b>6.640.222.229</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2024	52.967.101.368	10.581.237.165	38.428.787.719	477.825.226	855.470.000	103.310.421.478
Mua trong năm	61.227.500	-	181.818.182	-	-	243.045.682
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(54.624.000)	-	-	(54.624.000)
Tại ngày 31/12/2024	53.028.328.868	10.581.237.165	38.555.981.901	477.825.226	855.470.000	103.498.843.160
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2024	28.705.184.182	9.276.897.967	38.064.687.178	439.370.218	853.961.924	77.340.101.469
Khấu hao trong năm	2.741.520.930	558.633.408	309.402.791	20.774.476	1.508.076	3.631.839.681
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(17.710.376)	-	-	(17.710.376)
Tại ngày 31/12/2024	31.446.705.112	9.835.531.375	38.356.379.593	460.144.694	855.470.000	80.954.230.774
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2024	24.261.917.186	1.304.339.198	364.100.541	38.455.008	1.508.076	25.970.320.009
Tại ngày 31/12/2024	21.581.623.756	745.705.790	199.602.308	17.680.532	-	22.544.612.386

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 46.917.059.313 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	2.642.410.677	882.412.509	3.524.823.186
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b><u>2.642.410.677</u></b>	<b><u>882.412.509</u></b>	<b><u>3.524.823.186</u></b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	1.622.987.085	882.412.509	2.505.399.594
Khấu hao trong năm	16.316.244	-	16.316.244
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b><u>1.639.303.329</u></b>	<b><u>882.412.509</u></b>	<b><u>2.521.715.838</u></b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	1.019.423.592	-	1.019.423.592
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b><u>1.003.107.348</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.003.107.348</u></b>

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.313.963.578 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 624.047.130 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.14.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	3.643.808.478	3.643.808.478	6.139.950.964	6.139.950.964
Phải trả cho người bán:				
Regional Container Lines Public Company Limited	52.140.148.013	52.140.148.013	113.172.594.913	113.172.594.913
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Safaco	1.689.789.600	1.689.789.600	1.041.166.700	1.041.166.700
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	34.351.427.228	34.351.427.228	31.428.926.305	31.428.926.305
Cộng	91.825.173.319	91.825.173.319	151.782.638.882	151.782.638.882

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng dưới 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	468.800.524	5.437.442.507	5.302.755.554	-	334.113.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.912.162.893	5.667.356.873	2.569.452.924	185.741.056	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	489.813.975	3.985.350.252	3.705.804.446	-	210.268.169
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	693.062.092	693.062.092	-	-
Các loại thuế khác	1.729.970.173	-	3.668.974.473	6.819.784.101	-	1.420.839.455
Cộng	1.729.970.173	3.870.777.392	19.452.186.197	19.090.859.117	185.741.056	1.965.221.195

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ tiền lương và thưởng phải trả cho nhân viên tại ngày 31/12/2024.

**4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí trích trước cước vận chuyển và phí làm chứng từ tại ngày 31/12/2024.

**4.13. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	910.903.944	6.657.277.945
Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.758.500	788.635.589
<b>Cộng</b>	<b>1.047.662.444</b>	<b>7.445.913.534</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược	676.350.000	2.044.094.000

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Vay

	Tại ngày 31/12/2024			Trong năm		Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		VND		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn	229.160.399.947	229.160.399.947	764.844.533.125	692.357.980.629		156.673.847.451	156.673.847.451	
Các khoản vay được chi tiết như sau:								
Ngân hàng	Loại tiền	Hạn mức vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024	
						VND	VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân <sup>(a)</sup>	VND	200.000.000.000	05 - 06 tháng	3,9% đến 8%/năm	Bổ sung vốn lưu động	113.955.343.201	89.895.947.150	
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long <sup>(b)</sup>	VND	70.000.000.000	05 tháng	5,8%/năm	Bổ sung vốn lưu động	37.892.467.425	12.054.090.293	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam <sup>(c)</sup>	VND	28.900.000.000	03 tháng	5,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	27.751.041.697	19.898.513.506	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <sup>(d)</sup>	VND	23.000.000.000	03 tháng	4,3% đến 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	20.299.073.634	21.335.340.236	
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(e)</sup>	VND	50.000.000.000	06 tháng	6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	16.366.633.722	12.652.264.728	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(f)</sup>	VND	30.000.000.000	06 tháng	5,2% đến 6%/năm	Bổ sung vốn lưu động	12.895.840.268	837.691.538	
Cộng						229.160.399.947	156.673.847.451	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn – Xem thêm Mục 4.1 và Mục 4.2 và các tài sản khác, được chi tiết như sau:

(a) Khoản vay được bảo đảm bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 802222564996, 802222565014, 802222565005, 802222565032, 812008297135, 819008297140, 819008297138, 815008297132, 812008297141, 817008297137, 802222481855, kỳ hạn từ 01 đến 06 tháng với tổng giá trị là 49.300.000.000 VND;
- Các tài khoản tiền gửi số 802220000386, 802220000359, 802220000377, 802220000368, 814004107739, 819004409396, 818004590885, 817004691100, 815004781494, 813005009766, 811008005536, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 1.181.000 USD;
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại 208 đường Chùa Vẽ, phường Đông Hải 1, quận Hải An, thành phố Hải Phòng có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2024 là 624.047.130 VND – Xem thêm Mục 4.8.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 216000233934, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 500.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 213000404778, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 67.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 219000364277, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 5.000.000.000 VND.

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 1500633006291, 1500633006358, 1500663017747, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 12.050.000.000 VND;
- Trái phiếu VBA121033, kỳ hạn 07 năm với tổng giá trị là 1.000.000.000 VND.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi số 703003958743, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 13.000.000.000 VND.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài khoản tiền gửi số 9793389973640, kỳ hạn 02 tháng với tổng giá trị là 250.000 USD;
- Tài khoản tiền gửi số 001171725886, kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 2.000.000.000 VND.

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Các tài khoản tiền gửi số 001044565514, 001046990493, kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng với tổng giá trị 10.000.000.000 VND;
- Tài khoản tiền gửi số 001049850161, kỳ hạn 01 tháng với tổng giá trị là 21.500 USD.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Cầu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn trái phiếu chuyển đổi VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2023	119.490.050.000	45.544.394.511	531.977.480	(817.208.082)	118.038.924.767	282.788.138.676
Chuyển đổi trái phiếu	47.504.920.000	12.281.657.480	(531.977.480)	-	-	59.254.600.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	14.183.764.885	14.183.764.885
Tại ngày 01/01/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	132.222.689.652	356.226.503.561
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	33.857.239.056	33.857.239.056
Tại ngày 31/12/2024	166.994.970.000	57.826.051.991	-	(817.208.082)	166.079.928.708	390.083.742.617

(Xem trang tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.15.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	166.994.970.000	119.490.050.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	47.504.920.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
<b>Vốn góp tại ngày 31/12</b>	<b>166.994.970.000</b>	<b>166.994.970.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	16.699.497	16.699.497
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	55.400	55.400
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.644.097	16.644.097

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.15.4. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2024	9.400.293.842	12.000.000.000
Trích trong năm	-	-
Chi trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>9.400.293.842</b>	<b>12.000.000.000</b>

**4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	3.418.271,01	1.698.260,59
EUR	684,21	12.944,20
SGD	680,86	680,86



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý – Xem thêm Mục 4.6:				
Công ty TNHH MTV Chế tạo và Đóng tàu Hải Phòng xóa sổ do nợ đã quá hạn trên 10 năm không thể thu hồi được	-	1.115.620.730	-	-

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cước vận chuyển hàng không	570.733.961.081	266.418.218.583
Cước vận chuyển đường biển	357.059.473.640	171.763.962.863
Doanh thu dịch vụ khác	82.946.342.017	103.192.012.027
<b>Cộng</b>	<b>1.010.739.776.738</b>	<b>541.374.193.473</b>
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	144.632.070.691	44.482.492.936

Nguyên nhân tăng doanh thu năm nay được thuyết minh tại Mục 1.5.

**5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	43.555.087.397	39.780.471.915
Chi phí công cụ, dụng cụ	115.192.375	220.940.052
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.121.634.268	3.390.493.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	907.426.102.317	455.482.860.709
Chi phí bằng tiền khác	13.946.019.097	15.022.693.201
<b>Cộng</b>	<b>968.164.035.454</b>	<b>513.897.459.583</b>

Nguyên nhân tăng giá vốn năm nay được thuyết minh tại Mục 1.5.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.098.598.288	11.281.567.738
Lãi bán chứng khoán kinh doanh		
– Xem thêm Mục 4.2	11.483.960.000	
Lãi tiền gửi	3.718.456.664	8.640.390.443
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.563.580.915	2.958.691.492
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	105.819.724	380.213.256
<b>Cộng</b>	<b>32.970.415.591</b>	<b>23.260.862.929</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	12.080.004.359	11.044.873.337
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.767.850.533	2.542.009.408
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư	(1.358.442.327)	940.381.298
<b>Cộng</b>	<b>15.489.412.565</b>	<b>14.527.264.043</b>

**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.196.567.707	10.434.559.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	526.521.657	666.875.042
Chi phí dự phòng	482.830.607	1.513.034.148
Chi phí bằng tiền khác	8.064.514.003	9.238.229.628
<b>Cộng</b>	<b>21.270.433.974</b>	<b>21.852.697.957</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	55.751.655.104	50.215.031.054
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.648.155.925	4.057.368.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	907.426.102.317	455.482.860.709
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	482.830.607	1.513.034.148
Chi phí khác	22.125.725.475	24.481.862.881
<b>Cộng</b>	<b>989.434.469.428</b>	<b>535.750.157.540</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	39.524.595.929	14.487.734.906
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	797.352.064	454.183.042
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(96.060.827)	(517.500.700)
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia	(12.098.598.288)	(11.281.567.738)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	28.127.288.878	3.142.849.510
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	5.625.457.776	628.569.902
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	41.899.097	(324.599.881)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.667.356.873</b>	<b>303.970.021</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	764.844.533.125	606.455.796.394

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	(692.357.980.629)	(639.550.361.010)

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Vinafreight	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Công ty Cổ phần Transimex	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần Cảng Mipec	Công ty liên kết
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Trả trước cho người bán – Xem thêm Mục 4.4:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	1.826.719.967	4.540.178.618

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải trả thương mại – Xem thêm Mục 4.9:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	(3.643.808.478)	(6.139.950.964)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	144.484.179.504	42.702.995.151
Công ty Cổ phần Transimex	133.127.442	142.462.759
Công ty Cổ phần Vinafreight	14.763.745	1.637.035.026
<b>Cộng – Xem thêm Mục 5.1</b>	<b>144.632.070.691</b>	<b>44.482.492.936</b>
Mua dịch vụ:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	148.821.379.029	31.523.320.358
Công ty Cổ phần Vinafreight	437.267.234	244.994.400
Công ty Cổ phần Transimex	236.791.202	312.115.576
Công ty Cổ phần Cảng Mippec	62.353.000	152.750.080
<b>Cộng</b>	<b>149.557.790.465</b>	<b>32.233.180.414</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	9.892.777.488	9.202.131.938
Công ty Cổ phần Vinafreight	694.575.000	694.575.000
<b>Cộng</b>	<b>10.587.352.488</b>	<b>9.896.706.938</b>
Thu hộ thuế nhà thầu và cước vận chuyển:		
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành	8.054.741.567	42.229.176.958
Công ty Cổ phần Vinafreight	29.863.820	244.994.400
Công ty Cổ phần Transimex	12.000.000	16.539.600
<b>Cộng</b>	<b>8.096.605.387</b>	<b>42.490.710.958</b>
Mua tài sản:		
Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hà Thành	181.818.182	50.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Địa chỉ: Số 02 Bích Câu, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND			Năm 2023 VND		
		Thù lao	Thu nhập	Cộng	Thù lao	Thu nhập	Cộng
Ông Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333	133.333.333	916.332.000	1.049.665.333
Ông Trần Công Thành	Tổng Giám đốc/ Thành viên	61.111.111	916.332.000	977.443.111	61.111.111	916.332.000	977.443.111
Ông Lê Đại Thắng	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	636.000.000	636.000.000
Ông Ngô Trọng Bắc	Phó Tổng Giám đốc	-	615.480.000	615.480.000	-	615.480.000	615.480.000
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Bà Lê Hoàng Như Uyên	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	61.111.111	-	61.111.111
Ông Vũ Chinh	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-	-	-
Ông Nguyễn Công Bằng	Thành viên	61.111.111	-	61.111.111	-	-	-
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Trưởng ban kiểm soát	22.222.222	-	22.222.222	-	-	-
Bà Trần Thị Kim Ngân	Thành viên ban kiểm soát (Xin từ nhiệm ngày 27/02/2025)	16.666.667	-	16.666.667	22.222.222	-	22.222.222
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên ban kiểm soát	16.666.667	-	16.666.667	16.666.667	-	16.666.667
Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	-	533.520.000	533.520.000	-	533.520.000	533.520.000
Cộng		555.555.555	3.597.144.000	4.152.699.555	416.666.666	3.617.664.000	4.034.330.666

858-  
C  
TỶ  
ÁN  
VẬN T  
ƯỞNG  
T.P HÀ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



**Trần Công Thành**  
Tổng Giám đốc

**Đỗ Thị Thu Hiền**  
Kế toán trưởng

**Lục Thị Minh Trang**  
Người lập

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2025

